

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-29



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2018 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 04/09/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Jia Ming Hui	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Hu Ji Zhi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Wei Xue Zhi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Jia Ming Hui	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Xiong Li Ting	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Zhang Meng You	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Nguyễn Kim Hậu	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Công	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2018
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/10/2018
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hoài Thu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Dương Thùy Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Nguyễn Thu Giang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Đinh Quang Hoạt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 10 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



  
Vũ Xuân Biển  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2018-002-1

  
Trương Thị Hoài Anh  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		28.762.871.661	5.823.474.261
110	<b>I. Tài sản tài chính</b>		26.556.060.169	5.432.410.403
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.558.012.224	4.633.813.972
111.1	1.1 Tiền		1.558.012.224	4.633.813.972
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	4	4.800.000.000	-
117	3. Các khoản phải thu	5	32.547.945	-
117.2	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		32.547.945	-
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		32.547.945	-
118	4. Trả trước cho người bán		-	643.635.000
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	5	2.165.500.000	900.000.000
122	6. Các khoản phải thu khác	5	-	154.961.431
129	7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		-	(900.000.000)
130	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		2.206.811.492	391.063.858
131	1. Tạm ứng		-	281.058.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	2.201.811.492	18.674.167
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7	5.000.000	73.053.750
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	18.277.941
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		7.230.725.761	4.451.185.583
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		4.776.253.622	2.123.591.490
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	3.210.768.932	1.275.597.688
222	- Nguyên giá		5.891.510.459	4.094.062.647
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.680.741.527)	(2.818.464.959)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.565.484.690	847.993.802
228	- Nguyên giá		4.389.872.500	5.551.457.400
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.824.387.810)	(4.703.463.598)
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		2.454.472.139	2.327.594.093
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	7	615.628.610	616.597.110
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	6	1.718.843.529	1.710.996.983
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	10	120.000.000	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>35.993.597.422</b>	<b>10.274.659.844</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		945.044.435	271.532.149
310	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		945.044.435	271.532.149
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn		191.110.573	-
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	181.562.964	4.687.274
323	3. Phải trả người lao động		522.325.025	-
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		43.102.223	1.540.000
325	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	265.304.875
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		6.943.650	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		35.048.552.987	10.003.127.695
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	12	35.048.552.987	10.003.127.695
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	50.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	50.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	50.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(54.951.447.013)	(39.996.872.305)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(54.951.447.013)	(39.996.872.305)
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>35.993.597.422</b>	<b>10.274.659.844</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		9.000.000	5.000.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	13	4.000.000.000	-
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
026	1. Tiền gửi của khách hàng		-	43.244.020
027	1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	43.244.020
031	2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	43.244.020
031.1	2.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		-	43.244.020

Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**


Năm 2018

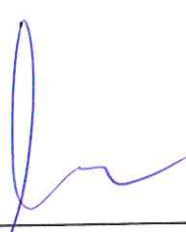
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
08	1.1 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	32.600.000
10	1.2 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		2.315.500.000	-
11	1.3 Thu nhập hoạt động khác		43.244.020	-
20	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>2.358.744.020</b>	<b>32.600.000</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		-	303.323
29	2.2 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		302.915.976	-
30	2.3 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.666.667	-
31	2.4 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		127.361.636	9.000.000
40	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>431.944.279</b>	<b>9.303.323</b>
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>14</b>		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		1.270.150.683	48.272.663
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>1.270.150.683</b>	<b>48.272.663</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>15</b>		
52	4.1 Chi phí lãi vay		13.074.157	-
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>13.074.157</b>	<b>-</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>16</b>	<b>18.072.584.700</b>	<b>6.484.951.870</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(14.888.708.433)</b>	<b>(6.413.382.530)</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác		12.727.273	15.837.333
72	8.2 Chi phí khác	17	78.593.548	79.466.350
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>(65.866.275)</b>	<b>(63.629.017)</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>(14.954.574.708)</b>	<b>(6.477.011.547)</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(14.954.574.708)	(6.477.011.547)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	18	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>(14.954.574.708)</u>	<u>(6.477.011.547)</u>
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	19	(1.952)	(1.295)

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.954.574.708)	(6.477.011.547)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		792.352.712	1.943.419.534
03	- Khấu hao tài sản cố định		944.627.238	1.091.692.197
04	- Các khoản dự phòng		-	900.000.000
06	- Chi phí lãi vay		13.074.157	-
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(165.348.683)	(48.272.663)
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.481.639.065)	9.332.884.526
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(4.800.000.000)	-
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(32.547.945)	-
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(2.165.500.000)	-
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		154.961.431	(154.879.095)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		161.058.000	12.009.946.596
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(265.304.875)	265.304.875
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(2.190.983.871)	(1.218.873.426)
44	- Lãi vay đã trả		(13.074.157)	-
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		834.745.573	(752.491.058)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		41.562.223	(3.744.080)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		195.153.631	(99.425.671)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		522.325.025	-
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		6.943.650	(31.302.755)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		127.928.750	-
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(58.906.500)	(681.650.860)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(21.643.861.061)</b>	<b>4.799.292.513</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(3.625.190.000)	(449.295.000)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		193.249.313	48.272.663
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.431.940.687)</b>	<b>(401.022.337)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000	-
73	2. Tiền vay gốc		3.653.209.830	-
73.2	2.1 Tiền vay khác		3.653.209.830	-
74	3 Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.653.209.830)	-
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(3.653.209.830)	-
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>40.000.000.000</i>	-
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>14.924.198.252</b>	<b>4.398.270.176</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>4.633.813.972</b>	<b>235.543.796</b>
101.1	- Tiền		4.633.813.972	235.543.796
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>19.558.012.224</b>	<b>4.633.813.972</b>
103.1	- Tiền		1.558.012.224	4.633.813.972
103.2	- Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	-

Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng



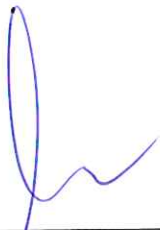
Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

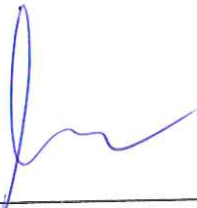
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2019


## PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
08	1. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(43.244.020)	(127.748.257)
15	2. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		-	(6.699.290)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>		(43.244.020)	(134.447.547)
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		43.244.020	177.691.567
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		43.244.020	177.691.567
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		43.244.020	170.992.277
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	6.699.290
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>		-	43.244.020
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		-	43.244.020
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	43.244.020

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Năm 2018

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2017		Năm 2017		Năm 2018		31/12/2018	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	50.000.000.000	90.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	50.000.000.000	90.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(33.519.860.758)	(39.996.872.305)	(6.477.011.547)	-	(14.954.574.708)	-	(39.996.872.305)	(54.951.447.013)
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(33.519.860.758)	(39.996.872.305)	(6.477.011.547)	-	(14.954.574.708)	-	(39.996.872.305)	(54.951.447.013)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>16.480.139.242</b>	<b>10.003.127.695</b>	<b>(6.477.011.547)</b>	<b>-</b>	<b>25.045.425.292</b>	<b>-</b>	<b>10.003.127.695</b>	<b>35.048.552.987</b>



*(Handwritten signature in blue ink)*

Vũ Thị Thúy Hà  
 Người lập

Vũ Thị Thúy Hà  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Hậu  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2018 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 04/09/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới và tư vấn chứng khoán .

#### 1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Kế hoạch khôi phục hoạt động kinh doanh và phương hướng phát triển Công ty Cổ phần Chứng khoán CV giai đoạn 2017 - 2020, Công ty thực hiện tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng trong năm 2018 để được cấp phép lại hoạt động nghiệp vụ môi giới chứng khoán, nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Trong năm, Công ty đã tiến hành bổ sung vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2018/NQ-ĐHCD ngày 15/03/2018. Công ty đã nhận số vốn góp của Viet Ocean Securities Financial Holdings Company Limited bằng số tiền chuyển khoản là 40.000.000.000 đồng tương ứng với 4.000.000 cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2018 theo giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 03/05/2018 là 90.000.000.000 đồng tương ứng với 9.000.000 cổ phần đang lưu hành. Công ty đã gửi hồ sơ xin cấp phép bổ sung hoạt động môi giới chứng khoán theo giấy đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 023/2018/CVS ngày 07/05/2018 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các hồ sơ gửi kèm theo quy định.

Căn cứ vào Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GPĐC-UBCK ngày 11/07/2018, Ủy ban chứng khoán chấp nhận bổ sung hoạt động môi giới chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV. Với các thủ tục đang tiến hành, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## 2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

## 2.4 . Tài sản tài chính

### a) *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

### b) *Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (ITM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (ITM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

## 2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 - 08 năm

## 2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

## 2.10 . Doanh thu, thu nhập

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### 2.11 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

#### 2.12 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

#### 2.13 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

#### 2.14 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.16 . Thông tin bộ phận**

Công ty đang trong giai đoạn xin cấp phép nên trong năm chưa phát sinh doanh thu, chi phí liên quan đến các hoạt động kinh doanh chính do đó không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	152.344	258.544.167
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	1.557.859.880	4.375.269.805
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	-
	<u>19.558.012.224</u>	<u>4.633.813.972</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với lãi suất 5,5%/năm.

**4 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết - Công ty Cổ phần Công nghệ cao Trung An	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-
	<u>4.800.000.000</u>	<u>4.800.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	32.547.945	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.165.500.000	900.000.000
- Phải thu hợp đồng tư vấn	2.165.500.000	900.000.000
Phải thu khác	-	154.961.431
- Phải thu Nhà đầu tư	-	128.462.749
- Phải thu khác	-	26.498.682
	<u>2.198.047.945</u>	<u>1.054.961.431</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí thuê phần mềm Giao dịch chứng khoán Softtech	1.564.750.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	637.061.492	18.674.167
	<u><u>2.201.811.492</u></u>	<u><u>18.674.167</u></u>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	690.389.715	924.696.833
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.028.453.814	777.630.150
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	8.670.000
	<u><u>1.718.843.529</u></u>	<u><u>1.710.996.983</u></u>

**7 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC**

**a) Ngắn hạn**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê phòng khách sạn	-	73.053.750
Đặt cọc thuê máy photocopy	5.000.000	-
	<u><u>5.000.000</u></u>	<u><u>73.053.750</u></u>

**b) Dài hạn**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	615.628.610	616.597.110
	<u><u>615.628.610</u></u>	<u><u>616.597.110</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2018	3.644.767.647	-	449.295.000	4.094.062.647
Mua trong năm	-	2.265.880.000	163.350.000	2.429.230.000
Thanh lý, nhượng bán	(631.782.188)	-	-	(631.782.188)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>3.012.985.459</b>	<b>2.265.880.000</b>	<b>612.645.000</b>	<b>5.891.510.459</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2018	2.807.563.904	-	10.901.055	2.818.464.959
Khấu hao trong năm	334.747.262	43.408.239	89.133.532	467.289.033
Thanh lý, nhượng bán	(605.012.465)	-	-	(605.012.465)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>2.537.298.701</b>	<b>43.408.239</b>	<b>100.034.587</b>	<b>2.680.741.527</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2018	837.203.743	-	438.393.945	1.275.597.688
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>475.686.758</b>	<b>2.222.471.761</b>	<b>512.610.413</b>	<b>3.210.768.932</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2018	5.551.457.400	5.551.457.400
Mua trong năm	1.195.960.000	1.195.960.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.357.544.900)	(2.357.544.900)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4.389.872.500</b>	<b>4.389.872.500</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2018	4.703.463.598	4.703.463.598
Khấu hao trong năm	477.338.205	477.338.205
Thanh lý, nhượng bán	(2.356.413.993)	(2.356.413.993)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>2.824.387.810</b>	<b>2.824.387.810</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2018	847.993.802	847.993.802
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.565.484.690</b>	<b>1.565.484.690</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**10 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>120.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	5.727.273	4.687.274
Thuế Thu nhập cá nhân	175.835.691	-
	<b>181.562.964</b>	<b>4.687.274</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018
	(%)	VND	(%)	VND
- Nguyễn Kim Hậu	8,06%	7.250.000.000	5,00%	2.500.000.000
- Hu Ji Zhi	0,00%	-	9,50%	4.750.000.000
- Wei Xue Chun	0,00%	-	9,50%	4.750.000.000
- Jia Minghui	9,50%	8.550.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Zhang Meng You	0,00%	-	9,50%	4.750.000.000
- Gong Hai	0,00%	-	9,50%	4.750.000.000
- Xiong Li Ting	0,00%	-	9,50%	4.750.000.000
- Li Zhong	9,50%	8.550.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Wong Tze Lam	9,50%	8.550.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Jiang Min	9,50%	8.550.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Jiang Wen	9,50%	8.550.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Viet Ocean Securities	44,44%	40.000.000.000	0,00%	-
	<b>100%</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>

Trong năm, Viet Ocean Securities Financial Holdings Company Limited đã thực hiện góp vốn bằng tiền theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông số 03/2018/NQ-ĐHCD ngày 15/03/2018 nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh của Công ty, đáp ứng quy định pháp luật về vốn pháp định để xin cấp phép bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh mới.

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(54.951.447.013)	(39.996.872.305)
	<b>(54.951.447.013)</b>	<b>(39.996.872.305)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(39.996.872.305)	(33.519.860.758)
Lỗ đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	(14.954.574.708)	(6.477.011.547)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(54.951.447.013)	(39.996.872.305)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b>(54.951.447.013)</b>	<b>(39.996.872.305)</b>

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>40.000.000.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>

e) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**13 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	4.000.000.000	-
	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>

**14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu lãi liền gửi không kỳ hạn	193.249.313	48.272.663
Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.076.901.370	-
	<b>1.270.150.683</b>	<b>48.272.663</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.074.157	-
	<u>13.074.157</u>	<u>-</u>

**16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	6.101.961.835	353.749.544
Chi phí vật tư văn phòng	66.534.000	158.482.804
Chi phí công cụ, dụng cụ	787.692.779	409.127.504
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	944.627.238	978.745.165
Chi phí thuế, phí và lệ phí	52.025.606	17.300.802
Chi phí dự phòng	-	900.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.951.261.470	2.995.526.583
Chi phí khác	2.168.481.772	672.019.468
	<u>18.072.584.700</u>	<u>6.484.951.870</u>

**17 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ điều chỉnh do thanh lý	27.900.630	-
Các khoản phạt thuế	-	79.466.350
Các khoản khác	50.692.918	-
	<u>78.593.548</u>	<u>79.466.350</u>

**18 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.954.574.708)	(6.477.011.547)
Các khoản điều chỉnh tăng	(50.692.918)	86.182.260
- Chi phí không hợp lệ	(50.692.918)	86.182.260
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(15.005.267.626)	(6.390.829.287)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>-</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(14.954.574.708)	(6.477.011.547)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(14.954.574.708)	(6.477.011.547)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.663.014	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.952)</b>	<b>(1.295)</b>

**20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản trương đương tiền	19.558.012.224	-	4.633.813.972	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	4.800.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu	2.198.047.945	-	1.054.961.431	(900.000.000)
	<b>26.556.060.169</b>	<b>-</b>	<b>5.688.775.403</b>	<b>(900.000.000)</b>
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			198.054.223	-
Chi phí phải trả			-	265.304.875
			<b>198.054.223</b>	<b>265.304.875</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
	<u>4.800.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.800.000.000</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.558.012.224	-	-	19.558.012.224
Các khoản phải thu	2.198.047.945	-	-	2.198.047.945
	<u>21.756.060.169</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.756.060.169</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.633.813.972	-	-	4.633.813.972
Các khoản phải thu	154.961.431	-	-	154.961.431
	<u>4.788.775.403</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.788.775.403</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	198.054.223	-	-	198.054.223
	<u>198.054.223</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>198.054.223</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Chi phí phải trả	265.304.875	-	-	265.304.875
	<u>265.304.875</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>265.304.875</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**22. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.040.000.000	248.910.653



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**


Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

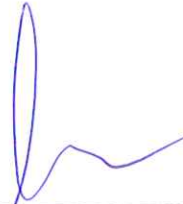
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**24 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
\_\_\_\_\_  
Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2019

